

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2026

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Minh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Láng.

2. Bà Lý Thị Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hiện – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9
- Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2026/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 2 năm 2026 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2026; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1970. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Thái Nguyên.

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1963. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị M trình bày bà tên là Hoàng Thị M nhưng một số giấy tờ ghi là Hoàng Thị M1, tên đầy đủ của bà M theo căn cước công dân là Hoàng Thị M:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hoàng Thị M và ông Hoàng Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã B, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Ông Q thường xuyên đi uống rượu, mỗi lần say rượu lại đánh chửi bà M, đuổi bà M ra khỏi nhà, khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M xin được ly hôn với ông Q.

- *Về con chung:* Bà M và ông Q không có con chung, không nhận con nuôi theo quy định của pháp luật, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2026 bị đơn ông Hoàng văn Q trình bày: Ông Hoàng Văn Q tại một sổ giấy tờ ghi là Hoàng Văn Q1, nhưng thực tế tên theo căn cước công dân là Hoàng Văn Q. Ông Q và bà M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó ông Q cũng có uống rượu nhưng chưa hề đánh đập, chửi bới bà M. Bà M tự bỏ nhà đi đến nay được khoảng 3 tháng, ông Q không đánh đuổi bà M mà bà M tự bỏ nhà đi. Nay bà M xin ly hôn ông Q cũng nhất trí, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập ông Q đến làm việc, ông Q đến Tòa án lấy lời khai một lần, sau đó Tòa án triệu tập ông Q đều không hợp tác, nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản xác minh với ông Hoàng Văn D là Trưởng thôn Lũng M2 và ông Hoàng Văn V là Công an viên thôn Lũng Mít xác định: Tình trạng hôn nhân của bà M và ông Q không hạnh phúc, những năm gần đây thường xuyên mâu thuẫn, cãi cọ, chửi mắng nhau thậm tệ do bất đồng quan điểm sống. Bà M và ông Q sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Bà M bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 11/2025 đến nay, không rõ đi đâu.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án: Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng

yêu cầu quy định, bị đơn vẫn có mặt tại địa phương nhưng không phối hợp với Toà án để giải quyết vụ án. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thái Nguyên theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xem xét, quyết định:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M. Bà Hoàng Thị M được ly hôn ông Hoàng Văn Q.

- *Về con chung*: Không có con chung, không có con nuôi hợp pháp, đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Bà M và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc bà Hoàng Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao và niêm yết các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự theo quy định. Tuy nhiên nguyên đơn có yêu cầu không tiến hành hoà giải, bị đơn không có ý kiến gì nhưng cũng không đến Tòa án để làm việc sau khi Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản trên. Do đó Tòa án đã tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định và lập biên bản không hoà giải được đồng thời thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ.

Nguyên đơn bà Hoàng Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Hoàng Văn Q vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị M và ông Hoàng Văn Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau thời gian đầu chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn diễn ra suốt thời gian dài, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn giữa bà M và ông Q ngày càng trầm trọng, đến tháng 11/2025 thì bà M bỏ đi khỏi nhà, hai người sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không còn liên lạc hỏi thăm, không còn quan tâm đến nhau, không hàn gắn được quan hệ hôn nhân, nên bà M xin được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy như vậy có đủ cơ sở để khẳng định rằng mâu thuẫn giữa bà M và ông Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2026 ông Hoàng Văn Q cũng nhất trí xin được ly hôn với bà Hoàng Thị M, không yêu cầu giải quyết về con chung do không có con chung, không có con nuôi hợp pháp, đồng thời không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của bà M là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà M và ông Q không có con chung, không có con nuôi hợp pháp, các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: bà Hoàng Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Hoàng Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị M được ly hôn với ông Hoàng Văn Q.

2. Về con chung: Bà M và ông Q không có con chung, không có con nuôi hợp pháp, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Hoàng Thị M phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000635 ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Xác nhận bà Hoàng Thị M đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.”

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn Hoàng Thị M, bị đơn Hoàng văn Q. Bà M và ông Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND KV9 - TN;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng THADS KV9-TN;
- UBND xã Bằng Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đàm Thị Minh Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Anh Dũng – Đàm Thị Hảo

Đàm Thị Minh Hương